

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh : Luận văn ThS. Kinh doanh và quản lý: 60 34 05 /Trần Thị Thắng ; Nghd. : TS. Trần Anh Tài

1. Sự cần thiết của đề tài

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vốn là một trong những tiền đề quan trọng nhất. Quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải có ba yếu tố cơ bản đó là: Vốn, lao động và công nghệ. Cả ba yếu tố đó là nhân tố quan trọng để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể hoạt động được, song trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay thì các yếu tố về lao động và công nghệ đều được đảm bảo khi có vốn.

Hiện nay sức ép từ cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp không chỉ cạnh tranh với các đối thủ trong nước mà còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Do đó để có thể cạnh tranh được đòi hỏi doanh nghiệp cần có vốn để đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Như vậy, có thể thấy vốn là một yếu tố hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi vốn là một nguồn lực hữu hạn, việc huy động vốn là rất khó khăn do đó chúng ta phải biết bảo tồn và phát triển nguồn vốn hiện có của mình. Hiện nay, một trong những vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp là việc quản lý và sử dụng một cách có hiệu quả nhất, chỉ có đủ vốn và nâng cao được hiệu quả sử dụng vốn thì doanh nghiệp mới có thể tồn tại và phát triển được.

Đối với Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh, để đáp ứng được yêu cầu của phát triển và cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là một vấn đề đang được Ban lãnh đạo Công ty hết sức quan tâm. Trong

thời gian qua, Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh đã có nhiều nỗ lực trong việc khai thác và sử dụng nguồn vốn của mình. Tuy nhiên việc sử dụng vốn của Công ty vẫn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết hiệu quả để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, vấn đề đặt ra đối với Công ty là phải làm thế nào để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của mình.

Nhận thức tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, tác giả chọn đề tài: ***“Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty cổ phần nông sản Bắc Ninh”*** làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Vấn đề quản lý và sử dụng vốn là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp, do đó vấn đề này đã được sự quan tâm của rất nhiều các nhà nghiên cứu. Ở nước ta hiện nay đã có nhiều đề tài nghiên cứu về vấn đề quản lý và sử dụng vốn như:

- Nguyễn Thị Minh Tâm – *Phân tích hiệu quả sử dụng vốn trong ngành công nghiệp dệt Việt Nam – Luận án TS kinh tế, 1999*
- Nguyễn Ngọc Quang – *Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trong doanh nghiệp xây dựng của Việt Nam – Luận án TSKH kinh tế, 2000*
- Trần Hồ Lan – *Những biện pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp Nhà nước ngành nhựa ở Việt Nam – Luận án TS kinh tế, 2003*

...

Các công trình trên đã nghiên cứu vấn đề lý luận chung và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của một số ngành cụ thể. Tuy nhiên, trong điều kiện ngày nay với xu thế cạnh tranh ngày càng gay gắt nhất là khi nước ta tham gia hội nhập vào tổ chức thương mại thế giới (WTO), vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là vấn đề quan

tâm hàng đầu của các doanh nghiệp, do vậy đề tài sẽ kế thừa và tiếp tục nghiên cứu vấn đề trên tại Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Phân tích thực trạng về sử dụng vốn của Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh để tìm ra những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong việc sử dụng vốn của Công ty, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp dưới góc độ vốn của doanh nghiệp là vốn cố định và vốn lưu động.
- Phạm vi khách thể nghiên cứu: Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh.
- Phạm vi thời gian nghiên cứu: Từ năm 2006 đến năm 2009.
- Nội dung nghiên cứu:
 - + Nghiên cứu và làm sáng tỏ thực trạng hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh.
 - + Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tiếp cận: Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng làm nền tảng, bên cạnh đó còn sử dụng phương pháp diễn giải kết hợp với quy nạp, kết hợp giữa lý thuyết với thực tiễn để nghiên cứu vấn đề.

Phương pháp tiến hành thu thập và xử lý thông tin: Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đây, phương pháp thu thập các số liệu thực tế. Các vấn đề nghiên cứu đi từ việc thu thập sử lý số liệu rồi phân tích, đánh giá, tổng hợp để đề xuất những giải pháp hợp lý nhằm giải quyết vấn đề trong quá trình nghiên cứu.

6. Những đóng góp của luận văn

Đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh trong những năm gần đây, tìm ra những tồn tại cần khắc phục và nguyên nhân của những tồn tại đó.

Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia làm ba chương:

Chương 1: Vốn và hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1

VỐN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VỐN

1.1.1 Khái niệm, đặc trưng của vốn trong doanh nghiệp

1.1.1.1 Khái niệm về vốn

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh thì cũng cần phải có vốn, vốn là yếu tố không thể thiếu được của mọi quá trình sản xuất kinh doanh, do đó việc quản lý và sử dụng vốn đã là một nội dung quan trọng trong quản lý tài chính doanh nghiệp. Mục đích của việc quản lý vốn là đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được liên tục, làm cho nguồn vốn luôn được mở rộng tạo tiềm lực tài chính lớn mạnh cho doanh nghiệp.

Vốn là tiền đề của mọi quá trình sản xuất kinh doanh và nó có thể tăng hay giảm đi phụ thuộc vào mức độ hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và chính sách đầu tư của mỗi doanh nghiệp.

1.1.1.2 Đặc trưng của vốn trong doanh nghiệp

- Vốn được quan niệm là một hàng hoá đặc biệt, nó có giá trị và giá trị sử dụng.

- Vốn đại diện cho một lượng giá trị tài sản có thực trong doanh nghiệp hay nói cách khác vốn thể hiện giá trị của tài sản hữu hình và tài sản vô hình.
- Vốn luôn vận động nhằm mục đích tạo ra lợi nhuận cho DN.
- Vốn có giá trị về mặt thời gian, một đồng vốn ở thời điểm hiện tại sẽ lớn hơn một đồng vốn trong tương lai do đó xem xét hiệu quả kinh doanh là xem mỗi đồng vốn đầu tư vào kinh doanh phải không ngừng vận động và tăng trưởng.
- Vốn phải gắn liền với chủ sở hữu nhất định nghĩa là vốn phải có chủ thì mới được sử dụng có hiệu quả.
- Vốn phải được tập trung đến một lượng nhất định thì mới có thể phát huy tác dụng đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

1.1.2 Phân loại vốn trong doanh nghiệp

* Phân loại dựa trên đặc điểm luân chuyển của vốn:

- Vốn cố định là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ tài sản cố định của doanh nghiệp.
- Vốn lưu động là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ tài sản lưu động của doanh nghiệp.

* Phân loại dựa trên nguồn hình thành của vốn:

- Vốn chủ sở hữu là phần vốn thuộc sở hữu của doanh nghiệp.
- Vốn đi vay là phần vốn của đơn vị khác mà doanh nghiệp được quyền sử dụng trong một thời gian nhất định sau đó phải hoàn trả lại cho chủ sở hữu cả phần gốc và lãi.

1.1.3 Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp

Mọi doanh nghiệp khi thành lập đều có mục tiêu là đạt được mức lợi nhuận tối đa từ hoạt động của mình. Để có lợi nhuận doanh nghiệp phải tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều cần ba yếu tố cơ bản là vốn, lao động, công nghệ. Trong đó, vốn là yếu tố quyết định, khi có vốn thì doanh

ng nghiệp có thể có được các yếu tố khác như lao động và công nghệ. Như vậy, có thể nói khi có vốn thì doanh nghiệp mới hoạt động được.

Và vốn là yếu tố quan trọng quyết định khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đứng vững trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Do đó, có thể nói vấn đề quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp là mối quan tâm rất lớn được đặt ra trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi doanh nghiệp phải có chính sách sử dụng vốn đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của mình thì mới đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được.

1.2 CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP

1.2.1 Khái niệm hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp

Vốn là một yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, vì vậy hiệu quả sử dụng vốn cũng không tách khỏi hiệu quả kinh doanh nói chung của doanh nghiệp. Trước hết ta cần khái quát về hiệu quả kinh doanh.

Hiệu quả kinh doanh là một phạm trù phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực để đạt được mục tiêu xác định. Nó biểu hiện mối quan hệ giữa chi phí đầu vào và kết quả đầu ra của một quá trình sản xuất. Như vậy hiệu quả kinh doanh phản ánh chất lượng hoạt động kinh doanh và được xác định bởi tỷ số giữa kết quả đạt được với chi phí bỏ ra để có kết quả đó.

Hiệu quả sử dụng vốn thể hiện ở hai mặt bảo toàn được vốn và tạo ra những kết quả đạt được theo mục tiêu kinh doanh trong đó đặc biệt là sức sinh lời của đồng vốn. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh kết quả của việc sử dụng vốn vừa phải đáp ứng được lợi ích của doanh nghiệp lại vừa tạo ra được lợi ích cho xã hội thì hoạt động kinh doanh đó mới có thể tồn tại và phát triển được.

1.2.2 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của DN

1.2.2.1 Các chỉ tiêu tổng hợp

- Hiệu suất sử dụng tổng vốn
- Hệ số doanh lợi vốn
- Hệ số doanh lợi vốn chủ sở hữu

1.2.2.2 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định

- Hiệu suất sử dụng vốn cố định
- Hiệu suất sử dụng tài sản cố định
- Suất hao phí tài sản cố định
- Hiệu suất sử dụng vốn cố định
- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định

1.2.2.3 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động

- Số vòng quay vốn lưu động trong kỳ
- Thời gian của một vòng luân chuyển
- Hiệu quả sử dụng vốn lưu động
- Mức đảm nhiệm vốn lưu động
- Vòng quay dữ trữ hàng tồn kho
- Kỳ thu tiền bình quân
- Vòng quay khoản phải thu trong kỳ

*** Các chỉ số phản ánh khả năng thanh toán:**

- Tỷ số thanh toán hiện hành
- Tỷ số thanh toán nhanh

1.3 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP

1.3.1 Các nhân tố bên ngoài

- Môi trường pháp luật
- Sự ổn định của nền kinh tế.
- Sự ảnh hưởng của giá cả thị trường và thuế
- Sự cạnh tranh trên thị trường và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và công nghệ.

- Sự hoạt động của thị trường tài chính và hệ thống các tổ chức tài chính trung gian.

1.3.2 Các nhân tố bên trong

- Khả năng quản lý của doanh nghiệp
- Nguồn nhân lực của doanh nghiệp
- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- Quy mô vốn của doanh nghiệp

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN BẮC NINH

2.1 GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN BẮC NINH

2.1.1 Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty nông sản Bắc Ninh tiền thân là Công ty Nông sản Hà Bắc được thành lập năm 1996 theo Quyết định số 27/QĐ-UB ngày 29/03/1996 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Bắc về việc đổi tên Công ty Dâu tằm tơ Hà Bắc thành Công ty Nông sản Hà Bắc. Kể từ năm 1997, Công ty được đổi tên là Công ty Nông sản Bắc Ninh. Công ty được phép kinh doanh những ngành nghề sau: Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y; Sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu vi sinh; Sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; Sản xuất tinh lợn, trâu, bò; Kinh doanh vật tư, thiết bị, hoá chất phục vụ sản xuất nông - công nghiệp, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Công ty

Công ty cổ phần nông sản Bắc Ninh được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/03/2007 là cơ sở chi phối mọi hoạt động của Công ty.

Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần nông sản Bắc Ninh bao gồm các phòng, ban trong Công ty và các đơn vị trực thuộc.

2.1.3 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty

* Đặc điểm nguồn lực

- Vốn: Công ty được phép phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng / cổ phần. Tổng số cổ phần chào bán được bán cho cổ đông hiện hữu; bán cho cán bộ chủ chốt, người lao động mới tuyển dụng và thành viên Hội đồng quản trị và bán đấu giá ra công chúng.

- Nguyên vật liệu: Công ty đã hình thành được một hệ thống kênh cung cấp nguyên liệu với nhiều nguồn cung cấp ổn định.

- Công nghệ sử dụng: Công ty đang sử dụng một số dây chuyền chế biến thức ăn chăn nuôi hiện đại.

- Trình độ tay nghề của người lao động

Đội ngũ cán bộ nhân viên có chất lượng cao là một thế mạnh để Công ty mở rộng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2 PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN BẮC NINH

2.2.1 Thực trạng nguồn vốn của Công ty

Bảng 2.1 Kết cấu vốn và nguồn vốn của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	So sánh quy mô vốn giữa các năm (%)		
					06/05	07/06	08/07
1. Tổng vốn	219.415	245.245	315.482	437.269	111,77	128,64	138,60
-Vốn cố định	87.767	98.454	118.231	154.219	112,18	120,08	130,43
-Vốn lưu động	131.648	146.791	197.251	283.050	111,50	134,38	143,50
2. Nguồn vốn	219.415	245.245	315.482	437.269	111,77	128,64	138,60
-Nhà nước	12.780	30.000	30.000	36.000	234,74	100,00	120,00
-Vốn CSH	62.559	92.944	102.998	133.312	148,57	110,82	129,43
-Vốn vay	144.076	122.25	182.484	267.957	84,85	149,27	146,84

		1					
--	--	---	--	--	--	--	--

Nguồn: Trích bảng cân đối kế toán của Công ty năm 2005, 2006, 2007, 2008.

2.2.2 Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty

2.2.2.1 Hiệu quả sử dụng vốn nói chung

Bảng 2.2 Chỉ số tổng hợp hiệu quả sử dụng vốn của Công ty qua các năm từ 2005 đến 2008

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	So sánh giữa các năm (%)		
					06/05	07/06	08/07
1. Doanh thu thuần (Trđ)	293.855	416.869	441.327	512.422	141,86	105,86	116,10
2. Tổng vốn bình quân (Trđ)	429.586	232.330	280.364	376.376	54,08	120,67	134,24
3. Vốn chủ sở hữu bình quân (Trđ)	46.838	77.752	97.971	118.155	166,00	126,00	120,60
4. Lợi nhuận sau thuế (Trđ)	17.753	19.075	23.903	27.899	107,45	125,31	116,71
5. Hiệu suất sử dụng tổng vốn (%)	68,40	179,42	157,41	136,14	262,30	87,72	86,49
6. Hệ số doanh lợi vốn (%)	0,041	0,082	0,085	0,074	198,67	103,84	86,94
7. Doanh lợi vốn chủ sở hữu (%)	37,90	24,53	24,39	23,61	64,72	99,44	96,77

Nguồn: Trích bảng cân đối kế toán của Công ty năm 2005, 2006, 2007, 2008.

2.2.2.2 Hiệu quả sử dụng vốn cố định

Bảng 2.3 Hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	So sánh giữa các năm (%)		
					06/05	07/06	08/07
1. Doanh thu thuần (Trđ)	293.855	416.869	441.327	512.422	141,86	105,86	116,10
2. Lợi nhuận sau thuế (Trđ)	17.753	19.075	23.903	27.899	107,45	125,31	116,71
3. Nguyên giá tài sản cố định bình quân (Trđ)	92.609	109.599	143.259	179.317	118,34	130,71	125,17
4. Vốn cố định bình quân (Trđ)	86.486	93.110,5	118.342,5	141.225	107,65	127,09	119,33
5. Hiệu suất sử dụng vốn cố định (%)	339,77	447,71	372,92	362,84	131,76	83,29	97,29
6. Hiệu suất sử dụng TSCĐ (%)	317,30	380,35	308,06	285,76	119,87	80,99	92,76
7. Hiệu suất hao phí tài sản cố định (%)	31,51	26,29	32,46	34,99	83,42	123,47	107,82
8. Hiệu quả sử dụng vốn cố định (%)	20,52	20,48	20,19	19,75	99,75	98,58	97,82
9. Hiệu quả sử dụng tài sản cố định (%)	19,16	17,40	16,68	15,56	90,79	95,86	93,24

Nguồn: Trích bảng cân đối kế toán của Công ty năm 2005, 2006, 2007, 2008.

2.2.2.3 Hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Bảng 2.4 Các chỉ số hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty qua các năm từ 2005 đến 2008

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	So sánh giữa các năm (%)		
					06/05	07/06	08/07
1. Doanh thu thuần (Trđ)	293.855	416.869	441.327	512.422	141,86	105,86	116,10
2. Lợi nhuận sau thuế (Trđ)	17.753	19.075	23.903	27.899	107,44	125,31	116,71
3. Vốn lưu động bình quân trong kỳ (Trđ)	131.648	146.791	182.570	203.049	111,50	124,37	111,21
4. Số vòng quay vốn lưu động (vòng)	2,23	2,83	2,41	2,52	126,90	85,15	104,56
5. Hiệu quả sử dụng vốn lưu động (%)	0,13	0,12	0,13	0,13	92,30	108,33	100,00
6. Mức đảm nhiệm vốn lưu động (%)	0,44	0,35	0,41	0,39	79,54	117,14	0,95
7. Thời gian 1 vòng luân chuyển (tháng)	5,37	4,22	4,96	4,76	78,58	117,53	0,95

Nguồn: Trích bảng cân đối kế toán của Công ty năm 2005, 2006, 2007, 2008.

*** Hàng tồn kho**

Bảng 2.5 Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý hàng tồn kho của Công ty qua các năm từ 2005 đến 2008

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	So sánh giữa các năm (%)		
					06/05	07/06	08/07
1. Hàng tồn kho (Trđ)	78.220	90.932	111.972	119.801	116,25	123,13	106,99
Trong đó:							
+ Nguyên liệu, vật liệu tồn kho.	76.848	89.745	110.829	118.853	116,78	123,49	107,23
+ Công cụ, dụng cụ trong kho	667	508	475	430	76,16	93,50	90,52
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	705	679	668	518	96,31	98,37	77,54
2. Doanh thu (Trđ)	293.855	416.869	441.327	512.422	141,86	105,86	116,10
3. Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	3,75	4,58	3,94	4,27	122,13	86,02	108,37
4. Tỷ trọng hàng tồn kho / vốn lưu động (%)	59,42	61,95	61,33	59,00	104,25	98,99	96,20

Nguồn: Trích báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty các năm 2005, 2006, 2007, 2008.

* Các khoản phải thu

Bảng 2.6 Các chỉ tiêu hiệu quả quản lý các khoản phải thu của Công ty qua các năm từ 2005 đến 2008

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	So sánh giữa các năm (%)		
					06/05	07/06	08/07
1. Các khoản phải thu (Trđ)	26.542	32.226	39.669	48.501	121,41	123,09	122,26
Trong đó:							
+ Phải thu của khách hàng	9.996	15.185	18.353	20.107	151,91	120,86	109,55
+ Trả trước người bán	15.776	16.076	20.245	27.158	101,90	125,93	134,14
+ Phải thu khác	770	965	1.071	1.236	125,32	110,98	115,40
2. Doanh thu (Trđ)	293.855	416.869	441.327	512.422	141,86	105,86	116,10
3. Doanh thu bình quân ngày (Trđ)	815	1.158	1.226	1.423	142,08	105,87	116,06
4. Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	33	28	32	34	84,84	114,28	106,25
5. Vòng quay khoản phải thu (vòng)	11,07	12,93	11,12	10,56	116,80	86,00	94,96

Nguồn: Trích báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty các năm 2005, 2006, 2007, 2008.

* Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán

Bảng 2.7 Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của Công ty qua các năm từ 2005 đến 2008

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	So sánh giữa các năm (%)		
					06/05	07/06	08/07
1. Tài sản lưu động (Trđ)	131.648	146.791	182.570	203.049	111,50	124,37	111,21
2.Hàng tồn kho (Trđ)	78.220	90.932	111.972	119.801	116,25	123,13	106,99
3.Tài sản lưu động- Hàng tồn kho (Trđ)	53.428	55.859	70.598	83.248	104,55	126,38	117,91
4.Nợ ngắn hạn (Trđ)	127.646	152.589	191.572	206.351	119,54	125,54	107,71
5.Tỷ số thanh toán hiện hành	1,031	0,962	0,953	0,984	93,30	99,06	103,25
6.Tỷ số thanh toán nhanh	0,418	0,366	0,368	0,403	87,56	100,54	109,51

Nguồn: Trích báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty các năm 2005, 2006, 2007, 2008.

2.3 ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN BẮC NINH

2.3.1 Những kết quả công ty đạt được

Trong thời gian qua Công ty không những bảo toàn được vốn của mình mà còn tạo cho mình bước tăng trưởng nhất định. Tổng vốn của Công ty liên tục tăng qua các năm đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục. Đặc biệt trong năm 2005 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nên nguồn vốn của Công ty đã tăng lên nhờ vốn góp của các cổ đông do đó Công ty có thể tự chủ hơn về mặt tài chính. Mặt khác vốn vay của Công ty cũng có mức tăng trưởng mạnh chứng tỏ Công ty đã có quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng do đó có hạn mức tín dụng cao, kịp thời luân chuyển nguồn vốn, giảm bớt khó khăn về vốn cho Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Do mở rộng ngành nghề kinh doanh, luôn tìm kiếm những cơ hội đầu tư mới, nên trong giai đoạn vừa qua doanh thu của Công ty liên tục tăng và vượt mức kế hoạch. Đặc biệt, trong năm 2007 Công ty đã đạt được lợi nhuận sau thuế tăng 25,31% so với năm 2006.

Trong điều kiện chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo chủ trương của Nhà nước, một số các công ty khác gặp khó khăn trong việc tìm kiếm công ăn việc làm cho công nhân viên thì công ty Nông sản Bắc Ninh vẫn đảm bảo được công việc cho trên 1.500 cán bộ công nhân viên để có thu nhập cao và ổn định.

2.3.2 Những hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1 Những hạn chế

Về hiệu quả sử dụng vốn, mặc dù chỉ tiêu này tăng mạnh vào năm 2006 nhưng sau đó lại giảm dần vào năm 2007, 2008.

Về quản lý vốn cố định, trong thời gian qua Công ty vẫn chưa chú trọng đến công tác đầu tư vào tài sản cố định, mặc dù vốn cố định bình quân của doanh nghiệp tăng dần trong các năm 2006, 2007, 2008 nhưng hiệu quả sử dụng vốn cố định lại giảm xuống. Điều đó cho thấy công tác quản lý và sử dụng tài sản cố định của công ty còn chưa cao.

Về quản lý vốn lưu động, năm 2006 giảm hơn so với năm 2005 nhưng đến năm 2007 lại tăng trở lại và duy trì được tốc độ đó đến năm 2008. Nhìn chung việc quản lý vốn lưu động đã đem lại hiệu quả cao hơn so với vốn cố định trong công ty.

Về hàng tồn kho, ta thấy số lượng hàng tồn kho ngày càng tăng, vòng quay hàng tồn kho có sự tăng giảm không đều nhau giữa các năm.

Về các khoản phải thu, các khoản phải thu của Công ty liên tục tăng qua các năm, kỳ thu tiền bình quân có giảm năm 2006 nhưng lại tăng dần trong năm 2007, 2008. Việc tăng kỳ thu tiền bình quân cho thấy nỗ lực của Công ty trong việc giải quyết nợ phải thu là chưa có hiệu quả cao, điều này cho thấy Công ty đang bị khách hàng chiếm dụng vốn và Công ty phải nỗ lực hơn nữa trong việc giải quyết công nợ.

Về khả năng thanh toán của Công ty, do hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn nên dẫn đến tỷ số thanh toán nhanh của Công ty đang có xu hướng giảm dần ảnh hưởng đến uy tín của Công ty trong quá trình vay tín dụng.

2.3.2.2 Nguyên nhân của những hạn chế

- Do hoạt động của Công ty chủ yếu phụ thuộc vào nguồn vốn vay làm giảm tính chủ động trong sản xuất kinh doanh của Công ty, hơn nữa Công ty luôn có nguy cơ phải chịu lãi ngân hàng cao nếu các khoản phải thu bị khách hàng chiếm dụng trong thời gian dài.
- Trong thời gian qua giá cả thị trường luôn biến động, tăng bất thường đã gây nhiều khó khăn trong việc thu mua nguyên liệu, làm cho lượng vốn dự trữ nguyên liệu đầu vào tăng lên so với thời gian trước đó.
- Trong điều tra nghiên cứu, dự báo thị trường và lập kế hoạch thực hiện chưa tốt, việc lường trước biến động của thị trường chưa được

Công ty quan tâm dẫn đến một số sản phẩm đầu ra phát sinh tăng chi phí so với dự kiến.

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh Công ty chưa có phương án tối ưu để tận dụng hết công suất máy móc thiết bị, tận dụng triệt để và có hiệu quả nguồn nhân lực.

- Trong thời gian qua, dịch cúm gia cầm và dịch lở mồm long móng ở gia súc lan rộng ở một số nơi có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất và tiêu thụ gia súc, gia cầm, đồng thời cũng gián tiếp tác động đến hoạt động chế biến thức ăn chăn nuôi của các cơ sở sản xuất.

2.3.3 Những vấn đề đặt ra đối với việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của công ty

Từ việc phân tích thực trạng hiệu quả sử dụng vốn của công ty trong thời gian qua, đã đặt ra một số vấn đề mà công ty phải quan tâm trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Thứ nhất, Qua các đợt tăng vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu, trong thời gian qua vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty đã tăng lên, tuy nhiên tiềm lực tài chính của Công ty vẫn còn mỏng, ảnh hưởng tới việc nắm bắt các cơ hội kinh doanh trên thị trường.

Thứ hai, Càng ngày, thị trường truyền thống càng bị thu hẹp, mức độ cạnh tranh càng gay gắt- do ngày càng có nhiều các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc ra đời, vì vậy việc phải đa dạng hoá ngành nghề, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh cũng là vấn đề Công ty cần quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Thứ ba, Thực tế cho thấy, vòng quay vốn lưu động của Công ty đang có xu hướng chậm lại, do đó để đẩy nhanh tốc độ vòng quay của VLĐ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty.

Thứ tư, Là một công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nông sản, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu từ các bộ luật của Chính phủ. Nhìn chung, với hệ thống luật pháp và chính sách đã và đang được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, nhất

quán như hiện nay sẽ tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế cũng như đáp ứng được các chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

Thứ năm, Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu cũng tác động lớn đến lợi nhuận của Công ty.

Thứ sáu, Trong những năm qua, Công ty đã có những biện pháp tương đối hiệu quả để ngăn ngừa rủi ro dịch bệnh, tuy nhiên trong điều kiện dịch bệnh phát triển tràn lan như hiện nay. Là một trong những doanh nghiệp có số lượng con giống lớn nhất miền Bắc, thì việc quan tâm phòng chống dịch bệnh lây lan là vấn đề phải được quan tâm thường xuyên.

Thứ bảy, Nguồn nhân lực là tài sản rất quan trọng ảnh hưởng lớn tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, do đó để nâng cao được hiệu quả sử dụng vốn thì Công ty phải chú trọng đến công tác quản lý và đào tạo nguồn nhân lực trong khi năng lực quản trị doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu, thiếu hụt nguồn nhân lực có chất lượng cao.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN BẮC NINH TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần nông sản Bắc Ninh đã đưa ra một số định hướng chính để phát triển trong giai đoạn tới:

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên cơ sở cung cấp con giống, thức ăn chất lượng cao, xây dựng hệ thống giết mổ và kiểm soát chặt chẽ các khâu trong quá trình sản xuất nhằm tạo ra một vùng thực phẩm sạch cho xã hội.
- Trước mắt, tiếp tục triển khai các dự án đã được phê duyệt bao gồm: Dự án Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO II; Dự

án Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm. Bên cạnh đó, tiếp tục đưa các dự án đó hoàn thành vào khai thác hoạt động có hiệu quả.

- Thành lập Công ty TNHH một thành viên chuyên kinh doanh nguyên liệu dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- Góp vốn đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến bột cá để sản xuất thức ăn chăn nuôi tại các tỉnh duyên hải miền Trung.
- Đầu tư xây dựng nhà kho và cơ sở sơ chế nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi tại tỉnh Hoà Bình.
- Tiếp tục đầu tư xây dựng Khu thương mại và đại lý xe ô tô.
- Mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty thông qua việc thành lập thêm các chi nhánh mới của Công ty tại một số tỉnh.
- Tham gia góp vốn thành lập công ty cổ phần để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản công suất 20 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Sông Hậu, tỉnh Đồng Tháp.
- Quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- Sắp xếp bộ máy quản lý, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, từng bước nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành thêm cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Bảng 3.1 Một số chỉ tiêu dự kiến cho kế hoạch trong năm 2009 của Công ty

Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện 2008	Kế hoạch 2009	Tăng trưởng so với 2008
1. Doanh thu	Triệu đồng	581.621	665.956	14,5%
2. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	29.242	45.102	54,24%
3. Nộp ngân sách	Triệu đồng	73.105	79.684	9%
4. Tỷ suất cổ tức	%	12	15	
5. Thu nhập bình quân của người lao động	Nghìn đồng	1.700	1.900	11,7%

Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2008 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2009 của Công ty.

3.2 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY

3.2.1 Nhóm giải pháp về quản lý vốn

* Giải pháp tăng cường hiệu quả sử dụng vốn cố định

- Khai thác và tạo lập nguồn vốn cố định

Trong thời gian tới, với xu hướng mở rộng lĩnh vực kinh doanh của mình, thì việc tạo lập nguồn vốn cố định đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty là khâu đầu tiên trong quản trị vốn cố định của Công ty. Để định hướng trong việc khai thác và tạo lập nguồn vốn cố định đáp ứng nhu cầu kinh doanh, Công ty cần phải xác định được nhu cầu vốn đầu tư tài sản cố định đã được thẩm định để lựa chọn và khai thác các nguồn vốn đầu tư phù hợp.

- Quản lý sử dụng vốn cố định

Vốn cố định của Công ty thường được sử dụng cho các hoạt động đầu tư mua sắm, lắp đặt, xây dựng các tài sản cố định vô hình và hữu hình. Để sử dụng có hiệu quả vốn cố định trong đầu tư dài hạn, Công ty cần phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng từ bước chuẩn bị đầu tư, lập dự án đầu tư và thẩm định dự án đầu tư giúp DN tránh được những hoạt động kém hiệu quả.

* Giải pháp tăng cường hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

- Quản lý khoản phải thu

Để quản lý tốt khoản phải thu thì đòi hỏi Công ty phải nắm vững được khả năng tài chính của khách hàng để xác định mức cho nợ và thời gian nợ. Nếu khách hàng có khả năng tài chính lớn, khả năng huy động vốn cao thì có thể tin tưởng vào khả năng trả nợ của họ. Đối với khách hàng có khả năng tài chính hạn hẹp thì Công ty nên đánh giá đúng mức độ tin cậy của khách hàng để hạn chế tối đa những rủi ro các khoản nợ của khách hàng đối với Công ty.

- Quản lý hàng tồn kho

Đối với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thì luôn phải có một lượng tồn kho nhất định, đặc biệt là đối với Công ty sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc thì lượng hàng tồn kho lại càng lớn. Nhất là công cụ, nguyên vật liệu và thành phẩm gửi các đại lý.

3.2.2 Nhóm điều chỉnh về cơ cấu sản xuất

* Điều chỉnh cơ cấu sản xuất

Qua số liệu báo cáo tài chính của Công ty trong những năm qua cho thấy doanh thu chủ yếu của Công ty vẫn là từ sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy cầm . . . Để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đem lại hiệu quả kinh tế cao, ổn định và bền vững, Công ty cần phải điều chỉnh cơ cấu sản xuất theo hướng mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh để phù hợp với năng lực sẵn có của Công ty.

* Điều chỉnh cơ cấu tổ chức

- Xác định rõ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ trách nhiệm, quan hệ giữa các bộ phận với nhau, đưa hoạt động của doanh nghiệp vào nề nếp, tránh sự chồng chéo chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận. Cần thường xuyên duy trì và bảo đảm sự cân đối tăng cường quan hệ giữa các khâu, bộ phận trong quá trình sản xuất để có thể nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi người, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng văn phòng điện tử nhằm áp dụng tối đa công nghệ thông tin vào công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp cho thông tin báo cáo luôn được cập nhật và nhanh chóng giúp ban Giám đốc đưa ra những quyết định phù hợp.

3.2.3 Nhóm giải pháp về điều chỉnh cơ cấu vốn

Chính sách cơ cấu vốn của Công ty liên quan tới quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro. Việc tăng sử dụng nợ làm tăng rủi ro với thu nhập và tài sản của chủ sở hữu, do đó các cổ đông sẽ có xu hướng đòi hỏi tỷ lệ cổ tức đền bù cao hơn. Để đáp ứng mục tiêu tối đa hoá giá trị tài

sản của chủ sở hữu, cơ cấu vốn tối ưu cần đạt được sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận.

3.2.4 Nhóm giải pháp về tăng cường năng lực

- Thứ nhất, tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Sự phát triển của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào chất lượng nguồn nhân lực, Công ty phải xác định được tài sản quan trọng nhất chính là con người, để xây dựng một doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững thì phải có nguồn nhân lực có chất lượng cao và trình độ quản trị doanh nghiệp hiện đại.

- Thứ hai, về phía nhà quản lý: Nhà nước cần đầu tư mới cho ngành sản xuất TACN Việt Nam có thể ra đời chính sách khuyến khích tư nhân xây dựng cầu cảng, đầu tư hệ thống vận chuyển, nhà kho mang tính chuyên dụng hay như mở sàn giao dịch về TACN qua mạng.

- Thứ ba, nâng cao năng lực cạnh tranh

Bên cạnh nhiều thách thức khó khăn, các doanh nghiệp sản xuất TACN Việt Nam cũng có lợi thế hơn các doanh nghiệp nước ngoài ở chỗ họ là doanh nghiệp Việt Nam nên hiểu người Việt hơn, hiểu văn hoá Việt hơn nên có thể có cơ hội phục vụ nhiều hơn và tốt hơn.

3.3 NHỮNG KHUYẾN NGHỊ

- Khuyến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước: Các nhà quản lý cần đưa ra một loạt giải pháp mang "tâm chiến lược" như đầu tư cơ sở hạ tầng, giảm thuế cho các loại nguyên liệu nhập khẩu, chú trọng phát triển sản xuất các loại nguyên liệu trong nước.

- Khuyến nghị với Công ty cổ phần nông sản Bắc Ninh

Để nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, đa dạng hóa sản phẩm Công ty cổ phần nông sản Bắc Ninh, cần cố gắng đầu tư trang thiết bị, dây chuyền chế biến hiện đại để nâng cao chất lượng thức ăn. Đồng thời Công ty còn cần phải áp dụng giải pháp tập trung ca sản xuất vào thời điểm giá tiền điện thấp nhất trong ngày để giảm giá thành sản xuất từ đó có cơ hội giảm giá bán.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt quyết liệt, muốn tồn tại và chủ động bảo đảm quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được diễn ra một cách liên tục, nhịp nhàng, doanh nghiệp phải có một lượng vốn nhất định. Bên cạnh đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh là một đề tài mang tính thời sự cấp bách, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp. Hiện nay hầu hết các doanh nghiệp đang trong tình trạng thiếu vốn sản xuất vì vậy doanh nghiệp luôn tìm cách sử dụng vốn một cách có hiệu quả nhất.

Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh cũng nằm trong danh sách các doanh nghiệp loại này, do vậy nâng cao hiệu quả sử dụng vốn được các cấp lãnh đạo công ty luôn quan tâm và luôn tìm tòi hướng đi cho vấn đề này. Thấy được sự cấp bách của vấn đề cùng với sự hướng dẫn của thầy giáo – tiến sỹ Trần Anh Tài và các cô chú trong ban lãnh đạo công ty, tôi đã hoàn thành luận văn tốt nghiệp với đề tài: **“ Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh ”**

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh là một vấn đề bao quát, rộng và khó về lý luận và thực tiễn. Do vậy trong phạm vi bài viết này em chỉ đề cập tổng thể thực trạng công tác sử dụng vốn tại công ty đồng thời đi sâu nghiên cứu các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn, rút ra nhận xét qua đó mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý sử dụng vốn của công ty.

Do kiến thức còn hạn chế, thực tế chưa nhiều nên luận văn tốt nghiệp này không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được sự đóng góp chân thành của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu và các Thầy, Cô giáo để có thể hoàn thiện và phát triển luận văn trong các nghiên cứu tiếp theo.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo, **tiến sỹ Trần Anh Tài**, cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh đã giúp tôi hoàn thành luận văn này.